TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1521/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Thủy

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Toà án Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 648/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 353/2018/ QĐST- HNGĐ ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1985; địa chỉ: đương A, Phường S, quận G, Tp. HCM.(có đơn yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: đương A, Phường S, quận G, Tp. HCM.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 16/4/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Bà Trần Thị B và Ông Nguyễn Văn N, tự nguyện chung sống từ năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 03/06/2011. Do cuộc sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất không cùng quan điểm giáo dục con chung, nhiều lần gia đình cố gắng hòa giải nhưng không duy trì được hạnh phúc gia đình. Bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B xác định không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Văn N vắng mặt, nên Tòa án không thu thập lời khai và tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò vấp phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Theo đơn khởi kiện của bà B, đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu một bên, bị đơn cư trú tại quận G, thành phố Hồ chí Minh. nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh, theo quy định tại các Điều 28, điều 35, và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần theo luật định, nhưng ông N đều vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của Trần Thị B ngày 23/10/2018, là phù hợp khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét thấy xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về *yêu cầu của các đương sự:*

Xét thấy, bà B và ông N chung sống năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, quận G, TP.Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2009 quyển số 01/2008. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại tòa bà B yêu cầu giải quyết ly hôn với ông N, theo qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt niêm yết triệu tập đối với ông N nhiều lần, tiến hành lấy lời khai, hòa giải- đối chất và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa, nhưng ông N đều vắng mặt không hợp tác đến Tòa, chứng tỏ ông N không còn tha thiết muốn duy trì quan hệ hôn nhân. Bà B kiên quyết ly hôn để ổn định tâm lý nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Bvà ông N không duy trì được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bđối với ông N.

- Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 03/06/2011. Do bà B đang nuôi dưỡng trực tiếp. Xét thấy cần ổn định tâm sinh lý của trẻ chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B được quyền nuôi trẻ trực tiếp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà B phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; điều 35; điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227, điều 228, điều 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với Ông Nguyễn Văn N. (Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2009 Quyển số 01/2008, tại Ủy ban nhân dân

phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/6/2009 hết hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 03/06/2011. Giao Bà Trần Thị B trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông N, cho đến khi bà B có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, Bà Trần Thị B chịu. Nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029199 ngày 14/05/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, bà B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- UBND P9, Q.GV- TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thùy Trang